

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
QUY ĐỊNH MỨC ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRONG LÂM NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

Thực hiện khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương*”.

Để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh theo: (i) Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹, Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050² và (ii) đảm bảo tính liên tục, đồng bộ, thống nhất trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (mới), (iii) phù hợp với mức

¹ Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Bình Định (cũ) theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg:

- Diện tích đất rừng tỉnh Bình Định đến năm 2030 là 361.780 ha, gồm: Đất rừng đặc dụng 56.211 ha, đất rừng phòng hộ 152.997 ha, đất rừng sản xuất 152.572 ha;

- Mục tiêu duy trì tỷ lệ che phủ của rừng ở mức 58%;

- Phương hướng phát triển về lâm nghiệp: (i) Phát triển mạnh kinh tế rừng gắn với bảo vệ và phát triển bền vững, khai thác, sử dụng các dịch vụ môi trường rừng hiệu quả; (ii) Bảo tồn, phát triển diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, rừng tự nhiên sản xuất và phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế đối với diện tích rừng sản xuất, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững; (iii) Ưu tiên chuyển hóa từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn, chuyển đổi đất rừng sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả có giá trị cao hơn; (iiii) Đồng thời, thiết lập hệ thống rừng ngập mặn, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu một cách ổn định và bền vững trên cơ sở bảo vệ phát triển toàn bộ hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển với kế hoạch dài hạn.

² Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Gia Lai (cũ) tại Quyết định số 1750/QĐ-TTg:

- Diện tích đất rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2030 là 714.597 ha, gồm: Đất rừng đặc dụng 82.208 ha, đất rừng phòng hộ 150.375 ha, đất rừng sản xuất 482.014 ha;

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 49,2% năm 2030;

- Phương hướng phát triển về lâm nghiệp: (i) Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; (ii) Bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm an ninh nguồn nước; (iii) Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân.

đầu tư, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ, (iv) phù hợp với hiệu lực về không gian, đối tượng áp dụng của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện nhập nhiều đơn vị hành chính thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan đề xuất Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ trình UBND tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, cụ thể như sau:

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Dự thảo Nghị quyết quy định quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Phù hợp với các quy định của Trung ương và tình hình thực tế ở địa phương.
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	
Điều 3. Quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp	1. Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng: a) Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ: Ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng, được cấp 180.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao đối với xã khu vực II, III; 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao đối với vùng đất ven biển; 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao đối với các khu vực còn lại. b) Cộng đồng dân cư, các đối tượng theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp: Được cấp: 600.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao đối với xã khu vực II, III; 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao đối với vùng đất ven biển; 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao đối với các khu vực còn lại. 2. Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ: a) Ban quản lý rừng phòng hộ: Ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng, được cấp 600.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với xã khu vực II, III; 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng	Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đề xuất bằng mức bình quân theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ, vì lý do: 1. Trường hợp quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thấp hơn mức bình quân quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP thì không khuyến khích được tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích cực tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. 2. Trường hợp quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cao hơn mức bình quân quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP thì phải phát sinh thêm nguồn kinh phí, trong điều kiện ngân sách của tỉnh còn khó khăn, chưa tự cân đối được, hàng năm kinh phí bố trí cho công tác bảo vệ và phát triển

	phòng hộ được giao đối với vùng đất ven biển; 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với các khu vực còn lại. b) Ban quản lý rừng đặc dụng: Ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng, được cấp 180.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với xã khu vực II, III; 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với vùng đất ven biển; 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với các khu vực còn lại. c) Doanh nghiệp nhà nước; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các đối tượng theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp: Được cấp 600.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với xã khu vực II, III; 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với vùng đất ven biển; 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao đối với các khu vực còn lại. d) Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được cấp: Được cấp 180.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đối với xã khu vực II, III; 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đối với vùng đất ven biển; 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đối với các khu vực còn lại. 3. Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng: a) Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ; Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê: Được cấp 180.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao đối với xã khu vực II, III; 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện	rừng trên địa bàn tỉnh chủ yếu dựa vào ngân sách Trung ương bổ sung từ Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vì vậy, nếu quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh cao hơn mức bình quân quy định Nghị định số 58/2024/NĐ-CP sẽ gây áp lực cho ngân sách tỉnh. 3. Ngoài ra, qua tham khảo mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp của các tỉnh trước sáp nhập, như: Phú Yên, Quảng Ngãi, Nghệ An, Hải Dương, Lào Cao, ... thì các tỉnh quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư trong lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh bằng mức bình quân theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ.
--	--	---

	tích rừng được giao đối với vùng đất ven biển; 150.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao đối với các khu vực còn lại. b) Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên trước ngày 01/01/2019; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Các đối tượng khác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Luật Lâm nghiệp: Được cấp 600.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao đối với xã khu vực II, III; 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao đối với vùng đất ven biển; 500.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao đối với các khu vực còn lại. 4. Mức cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, quy hoạch rừng phòng hộ: a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên mức cấp kinh phí là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm. Đối với vùng đất ven biển là 1.500.000 đồng/ha/năm. b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung mức cấp kinh phí là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo. 5. Hỗ trợ chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình người Kinh thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sinh sống ổn định tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên được hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha. 6. Mức đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: Theo định mức kinh tế kỹ thuật, thiết	
--	--	--

	kế, dự toán công trình lâm sinh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. 7. Mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: a) Hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/ha/chu kỳ để mua cây giống, vật tư, phân bón đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng. b) Hỗ trợ chi phí cho công tác khuyến lâm: 500.000 đồng/ha/4 năm (1 năm trồng và 3 năm chăm sóc). c) Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu theo dự toán được duyệt. 8. Mức hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: Hỗ trợ 400.000 đồng/ha cho một lần xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. 9. Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ ngân sách nhà nước: 600.000 đồng/ha/năm đối với xã khu vực II, III; 750.000 đồng/ha/năm đối với vùng đất ven biển; 500.000 đồng/ha/năm đối với các khu vực còn lại. 10. Mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng: Trợ cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng trong thời gian chưa tự túc được lương thực. Thời gian trợ cấp tối đa 7 năm, đảm bảo nguyên tắc sau: a) Mức trợ cấp gạo cho hộ gia đình thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy trong năm căn cứ vào diện tích trồng rừng thực tế và thời gian chưa tự túc được lương thực là 06 tháng nhưng tối đa là 450	
--	--	--

	kg/năm; b) Mức gạo trợ cấp cho hộ gia đình thực hiện bảo vệ và phát triển rừng trong năm căn cứ vào diện tích thực hiện bảo vệ và phát triển rừng và trong thời gian chưa tự túc được lương thực là 4 tháng/năm nhưng tối đa là 300 kg/năm; c) Đối với hộ gia đình thực hiện tất cả các hoạt động trồng rừng thay thế nương rẫy và hoạt động bảo vệ rừng thì được hưởng theo mức trợ cấp cho hoạt động cao hơn. 11. Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp: a) Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 55.000.000 đồng/ha đối với một dự án hoặc công trình xây dựng rừng giống trồng mới có diện tích từ 2,0 ha trở lên, vườn giống trồng mới có diện tích từ 1,0 ha trở lên. b) Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 25.000.000 đồng/ha đối với một dự án hoặc công trình xây dựng rừng giống chuyển hóa có diện tích từ 1,0 ha trở lên, vườn cây lâm nghiệp đầu dòng có diện tích từ 500 m² trở lên. c) Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 5.000.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao có quy mô sản xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm. d) Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 300.000.000 đồng đối với một dự án hoặc công trình xây dựng mới vườn ươm giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô với diện tích đất xây dựng vườn ươm tối thiểu 0,5 ha. 12. Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha trồng cây phân tán (quy đổi 1.000 cây/ha) trong đó: 90% kinh phí hỗ trợ để mua cây giống, phân bón và	
--	---	--

	chi phí một phần nhân công trồng, chăm sóc; 10% kinh phí hỗ trợ chi cho tổ chức các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện trồng cây phân tán.	
Điều 4. Nguồn vốn thực hiện	Ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia), nguồn dịch vụ môi trường rừng, ODA và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Theo quy định tại Điều 26 Chương III Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
Điều 5. Tổ chức thực hiện	1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025.
Điều 6. Hiệu lực thi hành	1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025. 2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Theo quy định tại Điều 53, Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như trên./.